TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST.
Ngày 01 - 9 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Hoàng Viết Toàn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1982; cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979; cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A vào năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình mẹ đẻ anh H ở thôn K, xã Đ, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp, xảy ra va chạm cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả mà ngày càng

căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 12 năm 2015 chị đã bỏ đi nơi khác, sống ly thân với anh Phạm Văn H. Từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Phạm Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phạm Thị Thúy H1 – sinh ngày 17 tháng 01 năm 2007 và Phạm Thị Hồng A – sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011. Con chung Phạm Thị Hồng A hiện do anh H nuôi dưỡng, con chung Phạm Thị Thúy H1 hiện do chị đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị Thúy H1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Hồng A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn H đã được Toà án nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H đến Toà án giải quyết việc chị Phạm Thị P xin ly hôn nhưng anh Phạm Văn H đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng đã vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn H; Về con chung, căn cứ các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Phạm Thị Thúy H1 – sinh ngày 17 tháng 01 năm 2007 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Hồng A – sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Phạm Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2005. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xảy ra va chạm cãi, chửi nhau; vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị P, xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Phạm Văn H có hai con chung Phạm Thị Thúy H1 – sinh ngày 17 tháng 01 năm 2007 và Phạm Thị Hồng A – sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011. Con chung Phạm Thị Hồng A hiện do anh H nuôi dưỡng, con chung Phạm Thị Thúy H1 hiện do chị P đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị Thúy H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Hồng A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; anh H vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho con chung được nuôi dạy trong điều kiện tốt nhất; các con chung đang được nuôi dạy và phát triển tốt. Do vậy để con chung ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, cần giao con chung Phạm Thị Thúy H1 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Hồng A cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Ly hôn chị Phạm Thị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về tài sản; anh Phạm Văn H vắng mặt, không có quan điểm về tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

Khi các đương sự có tranh chấp về việc nuôi con chung hoặc có yêu cầu giải quyết về tài sản, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Phạm Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Thị Thúy H1 - sinh ngày 17 tháng 01 năm 2007 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Thị Hồng A - sinh ngày 26 tháng 10 năm 2011 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 02 tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Chị P đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004118 ngày 12 tháng 5 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch